TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐĂK LĂK

Bản án số: **72**/2023/ DS - ST
Ngày: 13/9/2023 "V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR TỈNH ĐĂK LĂK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***: Ông Y Lợi Niê

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Ông Trương Minh Mẫn, bà Hà Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đuống – thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đak Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tỉnh Đăk Lăk *tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/ 2023/ DSST ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXX- ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/ QĐTA ngày 25/ 8/ 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT (SCB).

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ KN , Q 3, Tp. HCM

Đại diện theo ủy quyền là: Ông Nguyễn Mạnh C (Có đơn xin xét xử văng mặt)

Địa chỉ: 242C-242D NTT, Tp. BMT, tỉnh ĐL

- Bị đơn: Ông Khúc Văn C (Vắng mặt), bà Nguyễn Thị Ph (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 15, xã EK, huyện CM, tỉnh ĐL

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diên cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín trình bày:

Ngày 21/6/2019 tại Ngân hàng SCB phòng giao dịch NTT, ông Khúc Văn C, bà Nguyễn Thị Ph đã ký hợp đồng cho vay số LD 1917300212 vay số tiền 600.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất thỏa thuận 11%/ năm, hạn trả cuối cùng vào ngày 22/6/2020.

Để đảm bảo cho hợp đồng vay, ông Khúc Văn C, bà Nguyễn Thị Ph đã thế

chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 40, diện tích 8561,6 m^2, địa chỉ thửa đất tại xã EK, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 765615 do UBND huyện CM cấp ngày 30/5/2017, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 341/2018/TC/NTT ngày 15/6/2018.

Quá trình vay ông Khúc Văn C, bà Nguyễn Thị Ph mới trả cho Ngân hàng được 250.000.000đ tiền gốc. Số tiền ông C, bà Ph còn nợ lại Ngân hàng 571.543.144 đ, trong đó nợ gốc 350.000.000đ, lãi trong hạn 150.988.077đ, lãi quá hạn 70.555.067đ (Lãi tạm tính đến ngày 13/9/2023)

Do thời gian nợ quá hạn đã lâu, Ngân hàng yêu cầu ông C, bà Ph phải có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng.

Trường hợp ông C, bà Ph không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, ngân hàng đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết bị đơn bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Ngày 21/6/2019 vợ chồng bà có ký hợp đồng vạy từng lần với Ngân hàng SCB số tiền gốc 600.000.000đ, mục đích vay là phục vụ sản xuất nông nghiệp, lãi suất vay 11%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

Để đảm bảo cho món vay vợ chồng bà có thế chấp cho Ngân hàng là QSD đất và tài sản gắn liên trên đất thuộc thửa số 172, tờ bản đồ số 40, diện tích 8561,6 m^2, địa chỉ thửa đất tại xã EK, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 765615 do UBND huyện CM cấp ngày 30/5/2017, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 341/2018/TC/NTT ngày 15/6/2018.

Quá trình vay vợ chồng bà đã trả được số tiền gốc là 250.000.000đ, hiện nay còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc 350.000.000đ và lãi suất như Ngân hàng khởi kiện.

Về nghĩa vụ và phương thức trả nợ: Vợ chồng bà có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nhưng hiện nay vợ chồng bà không có tài sản và nguồn thu nhập nào khác vì vậy bà đề nghị Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Khúc Văn C: Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông C vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên xét xử nên Tòa án không thể lấy ý kiến của ông C về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không thể tiến hành hòa giải được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu ý kiến về việc tuân thủ các quy định của Bộ tố tụng dân sự của Hội đồng xét xử, thư ký, cũng như những người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- *Đối với Thẩm phán:* Trong quá trình chuẩn bị xét xử; Về cơ bản tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203BLTTDS.

- *Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa*: Tuân thủ đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Đối với đương sự:

+/ Nguyên đơn: Thực đã hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 BLTTDS.

+/ Bị đơn: Chưa thực đã hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Ông Khúc Văn C, bà Nguyễn Thị Ph ký hợp đồng vay tiền của Ngân hàng trên nguyên tắc tự nguyện, thoả thuận, phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ các Điều 26; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự *(*BLTTDS) và Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 (BLDS) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 318, 319, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật của Tổ chức tín dụng.

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT

Buộc ông Khúc Văn C, bà Nguyễn Thị Ph có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP SGTT số tiền gốc 350.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Khúc Văn C, bà Nguyễn Thị Ph không trả nợ hoặc không trả nợ đầy đủ thì ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản đã thế chấp cho ngân hàng, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 341/2018/TC/NTT ngày 15/6/2018.

Ông Khúc Văn C, bà Nguyễn Thị Ph phải nộp án phí DSST và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Khúc Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, bà Nguyễn Thị Ph và đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ đã thu thập và có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định:

Ngày 21/6/2019 tại Ngân hàng SCB phòng giao dịch NTT, ông Khúc Văn C, bà Nguyễn Thị Ph đã ký hợp đồng cho vay số LD 1917300212 vay số tiền 600.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất thỏa thuận 11%/ năm, hạn trả cuối cùng vào ngày 22/6/2020.

Quá trình vay ông C, bà Ph đã trả được số tiền gốc là 250.000.000đ, hiện nay còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc 350.000.000đ và lãi suất.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với các hợp đồng tín dụng ông C, bà Ph đã ký kết với Ngân hàng trên nguyên tắc tự nguyện và thoả thuận phù hợp quy định của Bộ luật dân sự và luật các tổ chức tín dụng. Do vậy đây là quan hệ tranh chấp về chấp Hợp đồng tín dụng, được quy định trong Bộ luật dân sự và Luật các Tổ chức tín dụng. Đến kỳ hạn trả nợ, bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ của bên vay trong Hợp đồng tín dụng, cũng như quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự.

Cần buộc ông C, bà Ph có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, cụ thể: Tổng số nợ là 571.543.144 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 13/9/2023 là 150.000.000 đồng lãi suất trong hạn, 70.555.067 đồng lãi suất quá hạn. Tiếp tục tính nợ lãi phát sinh từ ngày 14/9/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD 1917300212, ngày 21/6/2019 cho đến khi ông Khúc Văn C, bà Nguyễn Thị Ph thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ.

[3.2] Về tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho khoản vay, ông C và bà Ph đã thế chấp cho Ngân hàng là QSD đất và tài sản gắn liên trên đất thuộc thửa số 172, tờ bản đồ số 40, diện tích 8561,6 m^2, địa chỉ thửa đất tại xã EK, huyện CM, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 765615 do UBND huyện CM cấp ngày 30/5/2017, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 341/2018/TC/NTT ngày 15/6/2018.

Xét hợp đồng thế chấp đã kí kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Do đó, trong trường hợp ông C và bà Ph không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trường hợp ông C và bà Ph tự nguyện trả hết nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 765615 do UBND huyện CM cấp ngày 30/5/2017 cho ông C và bà Ph.

[3.3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu xem xét thẩm định của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn ông C và bà Ph phải chịu 4.000.000 đồng tiền chi

phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng được nhận lại 4.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định sau khi thu được từ ông Cvà bà Ph.

[3.4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông C và bà Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả, cụ thể: 20.000.0000đ + (571.543.144đ – 400.000.000đ) x 4% = 26.861.000 đồng (đã làm tròn).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT.

Buộc ông Khúc Văn C, bà Nguyễn Thị Ph có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT số tiền 571.543.144 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 13/9/2023 là 150.000.000 đồng lãi suất trong hạn, 70.555.067 đồng lãi suất quá hạn. Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 14/9/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD 1917300212, ngày 21/6/2019 cho đến khi ông Khúc Văn C, bà Nguyễn Thị Ph thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ.

Khi ông Khúc Văn C, bà Nguyễn Thị Ph trả xong nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT có trách nhiệm trả lại cho ông Khúc Văn C, bà Nguyễn Thị Ph 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 765615 do UBND huyện CM cấp ngày 30/5/2017 cho ông C và bà Ph.

Trường hợp ông Khúc Văn C, bà Nguyễn Thị Ph không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT có quyền yêu cầu cơ quan Thi

hành án Dân sự phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp số 341/2018/TC/NTT ngày 15/6/2018 đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất thửa số 172, tờ bản đồ số 40, diện tích 8561,6 m^2, địa chỉ thửa đất tại xã EK, huyện CM, tỉnh ĐL theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 765615 do UBND huyện CM cấp ngày 30/5/2017 để thu hồi nợ.

Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Ông Khúc Văn C, bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 26.861.000 đồng (đã làm tròn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.956.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0013937 ngày 04/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh ĐL.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Khúc Văn C, bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 4.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT được nhận lại 4.000.000 đồng tiền tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ sau khi thu được ông Khúc Văn C, bà Nguyễn Thị Ph.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk
- VKSND huyện CưM’gar
- THADS huyện CưM’gar
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Y Lợi Niê

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkLắk
- VKSND huyện CưM'gar
- THADS huyện CưM'gar
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Y Lợi Niê